TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21/12/2017
"V/v Ly hôn giữa anh P và chị H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Toản
Ông Hà Đức Trưởng

***Thư ký phiên toà*:** Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Hồng P Sinh năm 1965
Trú tại: Xóm K, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Đặng Thị H Sinh năm 1971
Trú tại: Xóm T, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: Ông Lã Thành Công – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

(Anh P, ông Công có mặt, chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đặng Hồng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị H chung sống như vợ chồng từ ngày 17/12/1987 tại xóm K, xã V, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phú *(nay là huyện T, tỉnh Phú Thọ)*. Hai bên được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2007, anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do 2 vợ chồng không hợp nhau. Năm 2010, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm T, xã K, huyện T để sinh sống. Kể

từ thời điểm đó đến nay, 2 vợ chồng đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng. Vì vậy, anh P đề nghị Tòa án nhân dân huyện T không công nhận anh, chị là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 (hai) con chung là cháu Đặng Thế Q, sinh ngày 10/12/1989 và cháu Đặng Thị T, sinh ngày 28/12/1990. Hiện các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đặng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác nhận thời điểm chị và anh P chung sống như vợ chồng, từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn ở đâu, chị xác nhận thời gian hai bên sống ly thân như anh P trình bày là đúng. Chị đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có con chung như anh P trình bày là đúng. Hiện các cháu đã lớn, có gia đình riêng nên các cháu ở với ai là do các cháu tự quyết định.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ cho bị đơn, ông Công trình bày: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì do 2 anh chị cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn theo pháp luật. Vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài khoảng 7 năm. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh P và chị H là vợ chồng theo Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Anh chị có 02 con chung (các cháu đã trưởng thành, nên việc cháu muốn ở với ai thì tùy các cháu). Các bên không đề nghị Tòa án giải quyết các mối quan hệ khác nên đề nghị chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa. Đề xuất hướng xử lý giải quyết vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Anh P và chị H chung sống như vợ chồng với nhau kể từ ngày 17/12/1987. Trong quá trình chung sống hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Hai bên đã ly thân từ năm 2010 đến nay, hiện anh P và chị H đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận anh P và chị H là vợ chồng. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, anh P pH chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Đặng Hồng P có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ không công nhận anh và chị Đặng Thị H là vợ chồng. Căn cứ khoản 7 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 26/10/2017, chị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bên cạnh đó, ngày 27/11/2017, anh P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã tống đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định tại các Điều 171,172,174,175 và 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 17/12/1987, anh Đặng Hồng P và chị Đặng Thị H được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, nhưng hai bên không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Sau đó, anh P và chị H cũng không đăng ký kết hôn theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội cụ thể: Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 trở đi đến trước ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003.

Như vậy, căn cứ vào quy định được viện dẫn nêu trên, đối chiếu với sự kiện pháp lý phát sinh giữa anh P và chị H thì quan hệ hôn nhân giữa anh, chị chưa được pháp luật thừa nhận.

Mặt khác, trong quá trình chung sống như vợ chồng, hai bên có phát sinh mâu thuẫn, anh, chị đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bên cạnh đó, cả anh P, chị H đều có yêu cầu đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng. Bởi vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, không công nhận anh và chị H là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, anh P và chị H có 02 (hai) con chung là cháu Đặng Thế Q, sinh ngày 10/12/1989 và cháu Đặng Thị T, sinh ngày 28/12/1990. Hiện các cháu đã lớn có gia đình riêng, cả anh P và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp:* Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh P không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ nêu trên, chị H cũng đồng ý với quan điểm của anh P. Tại phiên tòa hôm nay anh P vẫn không thay đổi yêu cầu, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh P là phù hợp. Khi anh P, chị H có yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của hai bên thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác.

[5] *Về án phí:* Anh P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Anh Đặng Hồng P và chị Đặng Thị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận anh Đặng Hồng P và chị Đặng Thị H là vợ chồng.

[2] *Về con chung:* Có 02 con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] *Về Tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi anh P và chị H có yêu cầu giải quyết về các quan hệ nêu trên. Anh chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ, việc khác.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Đặng Hồng P phải chịu 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Xác nhận anh P đã nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai số AA/2016/0000713 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Nay được chuyển thành án phí.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết nơi chị H cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Kim Thượng;
- UBND xã Vinh Tiền; } (Để biết)
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tuấn Anh